

Số: **338** /MĐC-CCDN  
V/v thông báo cho SV tham gia phỏng vấn  
tuyển dụng cho Công ty LG Electronics  
Việt Nam

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Các Khoa quản lý sinh viên

Để tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp xúc với doanh nghiệp và tìm kiếm việc làm phù hợp, Nhà trường phối hợp với Công ty LG Electronics tổ chức Ngày hội tuyển dụng LG Electronics, tuyển dụng trực tiếp sinh viên đã và chuẩn bị tốt nghiệp các ngành trong Trường.

**Thời gian: 8h30 - 12h00 ngày 20/6/2019 (Thứ Năm)**

**Địa điểm:** Phòng họp Phở Yên

Nhà trường đề nghị các khoa quản lý sinh viên một số nội dung sau:

- Cử đại diện lãnh đạo Khoa hoặc Bộ môn tới dự phần khai mạc Chương trình (9h00 - 9h30);
- Thông báo rộng rãi Chương trình đến sinh viên đã và chuẩn bị tốt nghiệp của Khoa được biết và tới dự;
- Mỗi Khoa cử tối thiểu 10 sinh viên tới dự và phỏng vấn trực tiếp tại Chương trình.

Đề nghị các Khoa nghiêm túc thực hiện công văn này. Thông tin chi tiết liên hệ Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp (ĐT: 024.3838.6739).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- BGH (để b/cáo);
- Như kính gửi (để t/h);
- Lưu: HCTH; CCDN<sub>(02)</sub>.

**TL.HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG QHCC&DOANH NGHIỆP**



**PGS.TS Nguyễn Việt Hà**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**NGÀY HỘI TUYỂN DỤNG LG ELECTRONICS**

Thời gian: Từ 8h30 - 12h00, ngày 20/6/2019 (Thứ Năm)

Địa điểm: *Phòng họp Phổ Yên, tầng 3, nhà C 12 tầng*

| Thời gian    | Nội dung                                                                   |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 8h30 - 9h00  | Đón tiếp đại biểu, sinh viên;<br>Hướng dẫn sinh viên điền form application |
| 9h00 - 9h30  | Hội thảo giới thiệu Công ty LG Electronics                                 |
| 9h30 - 12h00 | Phỏng vấn trực tiếp sinh viên                                              |

# THÔNG TIN TUYỂN DỤNG CỦA CÔNG TY LG ELECTRONICS

## **1. PHÚC LỢI:**

- \* Môi trường chuyên nghiệp, thân thiện, nhiều hoạt động teambuilding
- \* Mức lương và chế độ phúc lợi tốt
- \* Cung cấp trang thiết bị hiện đại cho CBNV
- \* Ăn trưa, tối miễn phí, xe đưa đón tại Hải Phòng.
- \* Thưởng thành tích công việc, tháng lương thứ 13, đánh giá nâng lương hàng năm
- \* Được tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ trong nước và nước ngoài
- \* Công ty có 2 kỳ nghỉ dài “Nghỉ hè và Nghỉ đông”

## **2. YÊU CẦU CHUNG**

- \* Sinh viên đã tốt nghiệp hoặc sẽ tốt nghiệp Đại học năm 2019(Chương trình Kỹ sư & Cử nhân)
- \* Các chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ thông tin, kinh tế
- \* Thành thạo tiếng Anh và tin học văn phòng.
- \* **Mong muốn làm việc và gắn bó lâu dài tại Hải Phòng**

## **3. VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG**

- Kỹ sư sản xuất MFG
- Quản lý chất lượng QA
- Phát triển sản phẩm R&D
- Mua hàng Procurement
- Quản lý chuỗi cung ứng SCM
- Kế toán Accounting

## **4. QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG**

Sinh viên mang theo mẫu đơn dự tuyển có ảnh

Bảng sao Bảng điểm, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)

Phỏng vấn trực tiếp tại trường, sử dụng tiếng Anh trong quá trình phỏng vấn

Những thí sinh vượt qua vòng phỏng vấn sẽ được mời đi làm ngay.

STT ứng viên  
(CV No.)

| General Evaluation/<br>Nhận xét chung | Evaluation<br>(S/A/B :<br>Pass, C/D :<br>Fail) | Final Result<br>(Pass/Consider/Fail) | Recommend to<br>other team/<br>Giới thiệu cho<br>team | Remark<br>/Ghi chú |
|---------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|
|                                       |                                                |                                      |                                                       |                    |

## APPLICATION FORM

### Instructions/Chỉ dẫn

Please fill in all the requested information in English/

**Điền thông tin bằng tiếng Anh**

(Picture)

Applied  
title/Vị trí  
ứng tuyển

### 1. General Personal Information/Thông tin chung

Full name/Họ tên có dấu:

Gender:

Giới tính:

Date of Birth:

(DD-MM-YYYY)

Ngày tháng năm sinh

Identity Card No.:

Số CMTND:

Current Address/Địa chỉ hiện tại:

Permanent address/Địa chỉ thường trú:

E-mail:

Cell phone:

Di động

### 2. Education information/Trình độ học vấn

| Level<br>/Bằng cấp | From/từ<br>to/tới | Univesity/Tên trường | Major/<br>Chuyên ngành | GPA/<br>Điểm tốt<br>nghiệp |
|--------------------|-------------------|----------------------|------------------------|----------------------------|
|                    |                   |                      |                        |                            |
|                    |                   |                      |                        |                            |
|                    |                   |                      |                        |                            |
|                    |                   |                      |                        |                            |

Date/ngày:

Signature (with full name)/chữ ký:

### 3. Other training course/Chứng chỉ/đào tạo khác

| Certificate/<br>Tên chứng chỉ | Name of organization/Nơi đào tạo | From/từ...<br>to/đến... | Grade/Xếp<br>loại/điểm |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------|------------------------|
|                               |                                  |                         |                        |
|                               |                                  |                         |                        |

### 4. Language Proficiency (Excellent (E) - Good (G) - Average (A) - Poor (P))

| Language/<br>ngoại ngữ | Listening/nghe | Speaking/nói | Reading/đọc | Writing/viết |
|------------------------|----------------|--------------|-------------|--------------|
| English/tiếng Anh      |                |              |             |              |
| Korean/tiếng Hàn       |                |              |             |              |
| Other/khác             |                |              |             |              |

### 5. Computer skills/Tin học

| Software<br>Các chương trình vi tính sử dụng được | Level of proficiency/Trình độ   |                            |                               |                            |
|---------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| MS Office (Excel/power<br>point, word...)         | <input type="radio"/> Excellent | <input type="radio"/> Good | <input type="radio"/> Average | <input type="radio"/> Poor |
|                                                   | <input type="radio"/> Excellent | <input type="radio"/> Good | <input type="radio"/> Average | <input type="radio"/> Poor |
|                                                   | <input type="radio"/> Excellent | <input type="radio"/> Good | <input type="radio"/> Average | <input type="radio"/> Poor |

### 6. Employment Record/Kinh nghiệm (Ghi thời gian làm việc gần nhất trở về trước)

| From/từ<br>to/đến | Employer's name/<br>Tên công ty | Position/<br>Vị trí | Main jobs/<br>công việc chính | Salary/Lương |
|-------------------|---------------------------------|---------------------|-------------------------------|--------------|
|                   |                                 |                     |                               |              |
|                   |                                 |                     |                               |              |
|                   |                                 |                     |                               |              |

### 7. Other/Khác

Personal hobbies/Sở thích:

Other skills/Kỹ năng:

When do you graduate and receive the degree? Khi nào Bạn tốt nghiệp và nhận bằng?

Tháng...../Năm.....

When can you start full time working after informed/Khi nào bạn có thể làm việc full time nếu trúng tuyển?

Date/ngày: \_\_\_\_\_

Signature (with full name)/chữ ký: